

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 46 /2025/DS-PT

Ngày 07 - 02 - 2025

V/v Tranh chấp hợp đồng

Vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tăng.

Các Thẩm phán:

Ông Sỹ Sanh Đạt.

Ông Nguyễn Ngọc Vạng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Dũng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Được, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 02 tháng 01 năm 2025 và ngày 07 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 627/2024/TLPT-DS ngày 26 tháng 11 năm 2024, về việc “V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 72/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 718/2024/QĐ-PT ngày 12 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1 Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1976;

1.2 Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: B, ấp T, xã T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

2 Bị đơn:

2.1 Ông Lê Văn B, sinh năm 1972;

2.2 Bà Võ Thị N, sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp;

Chỗ ở hiện nay: Khóm D, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của ông B, bà N: Ông Huỳnh Ngọc E, sinh năm 1978. Là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 21/12/2024; Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

3.1 Anh Lê Long T, sinh năm 1997;

3.2 Chị Lê Thị Ngọc Ý, sinh năm 2004.

Cùng địa chỉ: B, ấp T, xã T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

** Người kháng cáo:* Ông Lê Văn B, bà Võ Thị N là bị đơn.

Ông Đ, bà G, ông E có mặt tại phiên tòa; Riêng anh T, chị Ý có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông Lê Văn Đ trình bày:*

Ngày 01/3/2022, vợ chồng ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị Giàu C cho ông B và bà N vay số tiền là 200.000.000 đồng, ông B có viết biên nhận, ký tên, lãi suất thỏa thuận 1,2%/tháng, vay không kỳ hạn và ngày 09/3/2023, tiếp tục cho ông B và bà N vay số tiền là 300.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 1,2% tháng, ông B có viết biên nhận, ký tên, vay không kỳ hạn, nhưng anh B có nói khi nào có nhu cầu cho ông B hay 01 tháng sau sẽ trả lại, từ khi vay tiền đến nay ông B và bà N không đóng lãi cho vợ chồng ông, khi vợ chồng ông đến đòi lãi thì ông B, bà N nói ghi sổ đi khi ông B và bà N bán nhà và đất được sẽ trả cho vợ chồng ông nên vợ chồng ông nghĩ tình nghĩa anh em nên không khởi kiện nhưng ông B và bà N hứa nhưng không thực hiện.

Nay ông là Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị G yêu cầu ông Lê Văn B và bà Võ Thị N trả số tiền vốn vay còn nợ là 500.000.000 đồng và tính lãi từ tháng 3/2023 đến tháng 7/2024 là 16 tháng x 1,6% x 500.000.000 đồng thành tiền 128.000.000 đồng, tổng cộng tiền vốn vay và lãi là 628.000.000 đồng.

Đối với USB của ông B cung cấp đoạn ghi âm cho rằng con ông Lê Long T và Lê Thị Ngọc Ý nhận tiền lãi là hoàn toàn không có, vì vợ chồng ông B mượn tiền riêng của các con ông không liên quan đến tiền ông B, bà N vay của ông, còn việc ông B ghi hình C1 cho rằng ông lại nhà quậy phá nhà là ông thừa nhận có lại nhà đòi tiền do ông B không trả tiền cho ông nên mới la và nói

chuyện với ông B, bà N chớ từ vay đến nay ông B và bà N không có trả vốn và lãi cho vợ chồng ông.

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị G trình bày:

Thông nhất lời trình bày của ông Lê Văn Đ. Bà Nguyễn Thị G yêu cầu ông Lê Văn Đ và bà Võ Thị N trả cho vợ chồng là ông Đ và bà G số tiền vốn vay còn nợ là 500.000.000 đồng và tính lãi tháng 3/2023 đến tháng 7/2024 là 16 tháng $\times 1,6\% \times 500.000.000$ đồng thành tiền 128.000.000 đồng, tổng cộng tiền vốn vay và lãi là 628.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông Lê Văn B trình bày:

Ông B thừa nhận vợ chồng ông có vay của ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị G vào ngày 01/3/2022 số tiền vốn vay là 200.000.000 đồng và ngày 09/3/2023 vay thêm số tiền là 300.000.000 đồng, tổng cộng 500.000.000 đồng, khi vay viết biên nhận, lãi suất 3%/tháng. Vợ chồng ông B đóng lãi cụ thể như sau:

1. Đối với số tiền: 200.000.000 đồng ngày 01/3/2022 ông đóng lãi cho ông Đ, bà G và Lê Long T con trai của ông Đ, bà G mỗi tháng là 6.000.000 đồng vào ngày 29 hàng tháng, vợ chồng ông bắt đầu đóng lãi từ ngày 29/2/2022 đến 29/5/2023 là 17 tháng $\times 6.000.000$ đồng thành tiền là 102.000.000 đồng (một trăm lẻ hai triệu đồng).

2. Đối với số tiền: 300.000.000 đồng ngày 09/03/2023 ông đóng lãi cho Lê Thị Ngọc Ý là con gái của ông Đ và bà G mỗi tháng là 9.000.000 đồng vào ngày 18 hàng tháng, vợ chồng ông bắt đầu đóng lãi từ ngày 18/02/2023 đến 18/5/2023 là 4 tháng $\times 9.000.000$ đồng thành tiền là 36.000.000 đồng (ba mươi sáu triệu đồng).

3. Đối với số tiền vay này vợ chồng ông vay cho Lê Sinh N1 vay lại nhưng ông N1 dừng đóng lãi do làm ăn thu lỗ, không khả năng đóng lãi nên ông không có khả năng đóng lãi cho ông Đ như đã thoả thuận nên Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị G đến nhà ông quậy phá bị Công an phường mời giải quyết. Khi hai bên đến Công An phường A hoà giải vào ngày 30/5/2024 thì ông giữ uy tín và có năn nỉ Đáp, G thống nhất giảm lãi mỗi tháng xuống nên ông đóng lãi cho Đ,

G bắt đầu từ 29/6/2023 âm lịch đến 29/6/2024 âm lịch là 13 tháng x 3.000.000 đồng thành tiền là 39.000.000 đồng.

Như vậy, vợ chồng ông đóng lãi cho ông Đ, G tổng cộng số tiền là 177.000.000 đồng so với mức lãi 1,66% thì ông đóng dư ra là 177.000.000 đồng – 164.000.000 đồng = 13.000.000 đồng. Nên nay ông có ý kiến như sau:

1. Không thống nhất toàn bộ yêu cầu của ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị G.
2. Ông yêu cầu được trả dần số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng (đã mượn 02 lần)
3. Số tiền ông đóng lãi trước đây tương đương với số tiền nhà nước cho phép thu lãi.
4. Không đồng ý việc nợ lãi là 500.000.000 đồng x 1,60% x 16 tháng = 128.000.000 đồng. Không đúng với việc vợ chồng ông đóng lãi theo thỏa thuận trước đây.

Ngoài ra, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết gì khác,

Trong quá trình giải quyết vụ cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà Võ Thị N trình bày:

Thống nhất lời trình bày và yêu cầu của ông Lê Văn B. Bà N có ý kiến như sau:

1. Không thống nhất toàn bộ yêu cầu của ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị G.
2. Bà N yêu cầu được trả dần số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng (đã mượn 02 lần)
3. Số tiền bà đóng lãi trước đây tương đương với số tiền nhà nước cho phép thu lãi.
4. Không đồng ý việc nợ lãi là 500.000.000 đồng x 1,6% x 16 tháng = 128.000.000 đồng. Không đúng với việc vợ chồng bà đóng lãi theo thỏa thuận trước đây

Ngoài ra, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Long T (có đơn xin vắng mặt, gửi bản khai) trình bày:

Ông Lê Văn B (là Bác H) có mượn anh số tiền là 6.000.00 đồng, sau đó ông B trả cho anh là 7.500.000 đồng, nên tiền dư anh trả lại. Anh không có nhận

lãi số tiền 7.500.000 đồng của ông B dùng cho cha của anh là ông Đ. Việc tiền giữa ông Đ với ông B, anh hoàn toàn không biết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Ngọc Ý (có đơn xin vắng mặt, gửi bản khai) trình bày:

Về tiền giữa ông Đ và ông B thì chị Ý hoàn toàn không biết, trước đây ông B (là Bác Hai) của chị có thường xuyên mượn tiền chị Ý rồi trả lại, hiện nay không ai nợ ai.

Tại phiên toà ông B thống nhất trả tiền vốn vay cho ông Đ, bà G là 500.000.000 đồng, nhưng cho ông và bà N trả dần, không đồng ý trả lãi theo yêu cầu của ông Đ và bà G. Ông B không phản tố, không yêu cầu điều chỉnh lãi. Đối với số tiền ông B đưa cho Long T là 7.500.000 đồng, ông B cũng không yêu cầu Long T trả lại, không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Tại Quyết định Bản án sơ thẩm số 72/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị G.

Buộc ông Lê Văn B và bà Võ Thị N có trách nhiệm trả cho ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị G số tiền vốn vay còn nợ là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) và tiền lãi là 66.400.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 566.400.000 đồng (năm trăm sáu mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng).

2. Kể từ ngày ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị Giàu C đơn yêu cầu thi hành án mà ông Lê Văn B và bà Võ Thị N chưa thi hành xong số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền chưa thi hành án, tại thời điểm thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và thời hạn kháng cáo, nghĩa vụ thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08 tháng 10 năm 2024, ông Lê Văn B và bà Võ Thị N có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm số 72/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp. Ông B, bà N yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông B, bà N yêu cầu được trả dần số tiền gốc 500.000.000 đồng và trừ số tiền lãi mà ông B, bà N đã đóng cho ông Đ, bà G.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh, phát biểu việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự tham gia tố tụng chấp hành tốt quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn B, bà Võ Thị N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết và xét xử vụ án đúng theo quy định Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông B, bà N kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định. Đối với anh Lê Long T, chị Lê Thị Ngọc Ý có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 293, 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị G khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn B và bà Võ Thị N trả cho ông Đ và bà G vốn vay còn nợ là 500.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ tháng 3/2023 đến tháng 7/2024 là 128.000.000 đồng (16 tháng x 1,6% x 500.000.000 đồng). Cộng chung vốn, lãi là 628.000.000 đồng.

[3] Về phía ông B, bà N đều thừa nhận có vay của ông Đ, bà G số tiền 500.000.000 đồng và ông B cũng đã thừa nhận có ký vào 02 biên nhận vay tiền, thống nhất trả cho ông Đ và bà G số tiền 500.000.000 đồng là phù hợp với qui định của pháp luật.

[4] Án sơ thẩm xử buộc ông B và bà N trả cho ông Đ và bà G vốn 500.000.000 đồng và lãi 66.400.000 đồng. Ông B và bà N không đồng ý có đơn kháng cáo.

[5] Xét kháng cáo của ông B và bà N không đồng ý trả lãi cho ông Đ và bà G. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của ông B và bà N thống nhất trả $\frac{1}{2}$ số tiền lãi là 33.200.000 đồng. Ông Đ và bà G không đồng ý.

[6] Xét thấy, ông B và bà N không có chứng cứ chứng minh đóng lãi cho ông Đ và bà G được số tiền 177.000.000 đồng và ông B, bà N cũng không có

chứng cứ chứng minh anh Lê Long T và chị Lê Ngọc Như Ý1 là con của ông Đ, bà Giàu C nhận tiền lãi thay cho ông Đ và bà G.

Ông Đ khai cho ông B và bà N vay lãi suất từ 1,2% - 1,25%/tháng. Ông B cho rằng ông Đ cho vay lãi suất là 3%/tháng. Ông Đ và ông B có tranh chấp với nhau về lãi suất.

Khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự quy định:...

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.”. Do đó, lãi suất được áp dụng là 0,83%/tháng.

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự xem xét giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[7] Theo đó, ông B và bà N phải trả tiền lãi cho ông Đ và bà G từ ngày 09/3/2023 đến ngày khởi kiện 11/7/2024 là 16 tháng x 500.000.000 đồng x 0,83%/tháng = 66.400.000 đồng là phù hợp.

[8] Ông B và bà N kháng cáo, nhưng không có chứng cứ chứng minh cho kháng cáo của mình là có căn cứ và hợp pháp, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông B và bà N.

[9] Trong quá trình xét xử phúc thẩm, ông Đ và bà Giàu C yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ”. Ngày 12/12/2024, Tòa án ban hành Quyết định số 280/2024/QĐ-BPKCTT áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của ông B và bà N đối với thửa đất số 131, diện tích 495,2m², tờ bản đồ số 16, đất nuôi trồng thủy sản, để đảm bảo việc thi hành án, nên cần tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với thửa đất trên.

[10] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, không chấp nhận kháng cáo của ông B và bà N là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông B và bà N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[12] Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo kháng nghị.

[13] Do kháng cáo của ông B và bà N không được chấp nhận, nên ông B và bà N phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 308; Khoản 1, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn B, bà Võ Thị N.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 72/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị G.

Buộc ông Lê Văn B và bà Võ Thị N có trách nhiệm trả cho ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị G số tiền vốn vay còn nợ là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) và tiền lãi là 66.400.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 566.400.000 đồng (năm trăm sáu mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị Giàu C đơn yêu cầu thi hành án mà ông Lê Văn B và bà Võ Thị N chưa thi hành xong số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền chưa thi hành án, tại thời điểm thi hành án.

2. Tiếp tục duy trì Quyết định số 280/2024/QĐ-BPKCTT ngày 12/12/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Buộc ông Lê Văn B và bà Võ Thị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 26.656.000 đồng. (hai mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

3.2. Buộc ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị G phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.080.000 đồng (ba triệu không trăm tám mươi nghìn đồng) phần không chấp nhận yêu cầu của ông Đ và bà G, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng

án phí đã nộp là 14.560.000 đồng theo biên lai số 0011863 ngày 22/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự. Ông Đ và bà G được nhận lại số tiền là 11.480.000 đồng, tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm.

Ông Lê Văn B, bà Võ Thị N mỗi người phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm của ông B, bà N là 300.000 đồng theo hai biên lai số 0012041 và 0012040, cùng ngày 09/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự, được trừ vào tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV THA Tòa án Tỉnh,
- VKSND Tỉnh;
- TAND thành phố Hồng Ngự;
- Chi cục THADS thành phố Hồng Ngự;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Tạng